

# 常見醫療用語對照表

中文翻譯

當遇到身體疼痛不舒服時，如何和醫生解釋自己的情況呢？  
以下列出幾種常見的疼痛型態，可以和自身情況對照，  
並與醫生進行溝通唷



## 中文症狀

## 外文(英印越泰)症狀

打噴嚏

Sneezing

流鼻涕

Runny nose

鼻塞

Stuffy nose

喉嚨痛

Sore throat

吸呼困難

Difficulty breathing

肚子痛

Stomach pain

扭傷

Sprain

發燒

Fever

嘔吐

Vomiting

LINE

1955



1955hotline



勞動部勞動力發展署  
WORKFORCE DEVELOPMENT AGENCY, MINISTRY OF LABOR

廣告

# คำศัพท์ที่ใช้บ่อยเมื่อไปพบแพทย์

เมื่อร่างกายเจ็บปวดหรือไม่สบาย จะสื่อสารกับแพทย์ได้อย่างไร?  
ต่อไปเป็นคำศัพท์ของอาการไม่สบายที่พบบ่อย ใช้สื่อสารกับแพทย์ได้



## อาการในภาษาจีน

## อาการในภาษาไทย

打噴嚏

จาม

流鼻涕

น้ำมูกไหล

鼻塞

คัดจมูก

喉嚨痛

เจ็บคอ

吸呼困難

หายใจลำบาก

肚子痛

ปวดท้อง

扭傷

ข้อเคล็ด/ข้อแพลง

發燒

มีไข้

嘔吐

อาเจียน



# Kata Yang Sering Digunakan Dalam Perawatan Medis

Saat Anda merasa sakit atau tidak enak badan! Bagaimana menjelaskan keadaan Anda kepada dokter?

Berikut ini beberapa keadaan sakit yang sering timbul, dapat disesuaikan dengan keadaan Anda saat berkomunikasi dengan dokter.



Gejala dalam Bahasa Mandarin	Bahasa Indonesia
打噴嚏	Bersin
流鼻涕	Ingusan
鼻塞	Hidung tersumbat
喉嚨痛	Sakit tenggorokan
吸呼困難	Sesak napas
肚子痛	Sakit perut
扭傷	Keseleo
發燒	Demam
嘔吐	Muntah

# Từ vựng về y tế thông dụng

Khi cảm thấy đau nhức, khó chịu trong người, làm thế nào để kể tình trạng của mình cho bác sĩ?

Dưới đây là một số triệu chứng phổ biến bằng tiếng Trung và tiếng Việt, giúp bạn dễ dàng trao đổi với bác sĩ.



## Các triệu chứng trong tiếng Trung

## Các triệu chứng trong tiếng Việt

打噴嚏

Hắt hơi

流鼻涕

Chảy nước mũi

鼻塞

Nghẹt mũi

喉嚨痛

Đau họng

吸呼困難

Khó thở

肚子痛

Đau bụng

扭傷

Bong gân

發燒

Sốt

嘔吐

Nôn mửa



# Common illnesses and conditions in Chinese and English

How can I explain my situation to the doctor when I experience pain or discomfort?

Listed below are some commonly experienced symptoms which you can use to inform a doctor about your condition.



Common symptoms	English
打噴嚏	Sneezing
流鼻涕	Runny nose
鼻塞	Stuffy nose
喉嚨痛	Sore throat
吸呼困難	Difficulty breathing
肚子痛	Stomach pain
扭傷	Sprain
發燒	Fever
嘔吐	Vomiting